ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỒNG HƯNG

PHỤ LỤC 06

BÁO CÁO NỢ XDCB NĂM 2022

(Số liệu báo cáo đến hết ngày 15/12/2022)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Tổng giá trị công trình được duyệt theo dự toán (quyết toán)	Giá trị khối lượng công trình hoàn thành	Tổng kinh phí đã thanh toán	Tổng kế hoạch vốn đã bố trí	Tổng kinh phí còn nợ
A	B	1	2	3	4	5=2-4
	TỔNG CỘNG	**70,249.80**	**67,253.45**	**59,116.12**	**54,251.28**	**8,137.93**
I	**Công trình đã có quyết định phê duyệt QT**	**32,642.91**	**31,839.59**	**30,760.15**	**30,760.15**	**1,079.44**
1	NLH 2 tầng 8 phòng + sân đường trường THCS xã Hồng Hưng	4,968.13	4,960.79	4,916.06	4,916.06	44.73
2	NLH bộ môn 4 phòng (Đơn nguyên 1+ đơn nguyên 2) trường THCS xã Hồng Hưng	4,941.60	4,890.72	4,704.25	4,704.25	186.47
3	Đường vào trường THCS xã Hồng Hưng	1,191.07	1,142.33	1,139.33	1,139.33	3.00
4	Hai khối nhà vệ sinh nhà hiệu bộ + nhà hiệu bộ trường MN	916.07	916.07	788.38	788.38	127.69
5	Nâng tầng nhà lớp học + các công trình phụ trợ trường MN Hồng Hưng	3,751.97	3,637.17	3,626.61	3,626.61	10.56
6	Sửa chữa cải tạo NLH 2 tầng 6 phòng (GĐ 2) trường MN Hồng Hưng	1,212.20	1,182.58	1,174.08	1,174.08	8.50
7	Sửa chữa cải tạo NLH 2 tầng 6 phòng (GĐ 1) trường MN Hồng Hưng	1,080.85	1,072.79	883.41	883.41	189.38
8	Cổng , tường rào , NBV, san lấp MB, hệ thống thoát nước trường THCS Hồng Hưng	2,999.96	2,917.36	2,783.29	2,783.29	134.07
9	Khu sơ chế trường MN xã Hồng Hưng	180.42	180.42	-	-	180.42
10	Các công trình phụ trợ trường MN Hồng Hưng	820.62	820.62	727.72	727.72	92.90
11	NLH 2 tầng 8 phòng trường THCS xã Hồng Hưng	6,077.10	6,077.10	6,071.65	6,071.65	5.45
12	Nhà hiệu bộ 2 tầng trường THCS Hồng Hưng	4,502.92	4,041.64	3,945.37	3,945.37	96.27
II	**Công trình chưa QT hoặc đang chờ phê duyệt QT**	**37,606.89**	**35,413.86**	**28,355.97**	**23,491.13**	**7,058.49**
1	**Đường giao thông**	**22,832.13**	**21,395.50**	**15,753.03**	**15,753.03**	**5,642.47**
13	Đường GTNT xã Hồng Hưng	2,838.50	2,746.10	2,548.00	2,548.00	198.10
14	Cải tạo, nâng cấp đường GT thôn Phương Khê	1,036.27	997.80	947.80	947.80	50.00
15	Cải tạo đường GTNT thôn Phương Khê xã Hồng Hưng	998.17	945.00	779.00	779.00	166.00
16	Cải tạo đường bê tông ra bãi rác thôn Phương Khê + tuyến Ô Thược - Ô Chỉ thôn Thị Xá	341.45	325.25	236.20	236.20	89.05
17	Xây mới kè ao thôn HX	972.51	862.23	699.00	699.00	163.23
18	Xây dựng kè ao, mương thoát nước, đường GT thôn HX	998.32	896.88	691.85	691.85	205.03
19	Cải tạo đường GT thôn PK tuyến Ô Việt - Ô Chuyên	976.50	895.49	557.85	557.85	337.64
20	Cải tạo đường GT thôn PK (3 tuyến Ô Điền - Ô Chuyên, Ô Hát - Ô Viện, Ô Sơn - B Sáng)	874.49	818.83	617.83	617.83	201.00

21	Cổng tường rào, cải tạo nhà làm việc trạm Y tế	475.68	450.59	315.95	315.95	134.64
22	Cải tạo, NC đường GT thôn HX tuyến Đình HX - Ô Hưởng	998.00	998.00	754.73	754.73	243.27
23	Cải tạo, NC đường GT thôn Thị Xá xã Hồng Hưng	5,015.04	4,468.84	3,000.00	3,000.00	1,468.84
24	Cải tạo mở rộng đường GTNT, nâng cấp tường kè thôn Phương Bằng xã Hồng Hưng (Điểm đầu Ao bà chò đến cống lù)	1,228.82	1,150.49	600.00	600.00	550.49
25	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Phương Bằng xã Hồng Hưng (gồm 03 đoạn dài 0,31 Km)	1,263.31	1,162.23	700.00	700.00	462.23
26	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Phương Bằng xã Hồng Hưng (Đoạn từ biến áp đến mép đường bê tông (Km0 - Km0+293,04)	1,243.71	1,144.03	700.00	700.00	444.03
27	Cải tạo vỉa hè phía trước sân vận động trung tâm và hệ thống chiếu sáng trụ sở UBND xã Hồng Hưng	609.90	572.28	-	-	572.28
28	Mở rộng mặt đường GT thôn PK (tuyến từ chợ Phe - PK)	800.74	800.74	764.36	764.36	36.38
29	Cải tạo, NC đường GT thôn HX tuyến Trục xã - Sân vận động	464.60	464.60	382.88	382.88	81.72
30	Cải tạo, NC đường GT thôn PK tuyến Trục xã - Giếng Ô Miền (Giai đoạn 1)	1,061.90	1,061.90	904.60	904.60	157.30
31	Cải tạo, NC đường GT thôn PK tuyến Trục xã - Giếng Ô Miền (Giai đoạn 2)	634.22	634.22	552.98	552.98	81.24
2	**Sân thể thao**	**4,682.74**	**4,274.01**	**3,545.08**	**3,545.08**	**728.93**
32	Sân vận động trung tâm xã (HM: San lấp , GPMB)	2,642.50	2,582.62	2,487.29	2,487.29	95.33
33	Sân vận động trung tâm xã (HM: cổng, tường rào thoáng, Sân khấu)	865.67	598.50	419.73	419.73	178.77
34	Sân vận động trung tâm xã (HM: Tường rào đặc)	1,174.57	1,092.89	638.06	638.06	454.83
6	**Các công trình khác**	**10,092.02**	**9,744.34**	**9,057.86**	**4,193.02**	**687.09**
35	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Hồng Hưng (HM: Phá dỡ, cải tạo mặt tiền và trát toàn nhà)	997.22	933.71	902.87	902.87	30.84
36	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Hồng Hưng (HM: Thay gạch ốp lát, lan can INox, nội thất phòng họp)	881.30	730.27	702.15	702.15	28.12
37	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Hồng Hưng (HM: Cải tạo hệ thống cửa, Rãnh thoát nước, thay mái tôn)	999.80	867.26	550.00	550.00	317.26
38	Hạ tầng dân cư mới thôn Cát Tiền	5,134.60	5,134.00	4,864.84		269.76
39	Bồi thường thu hồi đất XD trường THCS Hồng Hưng	2,079.10	2,079.10	2,038.00	2,038.00	41.10